TAND TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2025/DS-ST Ngày 26/02/2025 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Lành

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Lý – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2025, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/ TLST-DS ngày 04/10/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST - DS ngày 20/01/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP ĐT (BIDV)

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 TQK, quận HK, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Đức Q - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP ĐT- Chi nhánh Thái Nguyên. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền số 3406/GUQ-BIDV.TN ngày 04/10/2024)

*** Bị đơn:** Bà Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1979. Vắng mặt lần hai tại phiên tòa

ĐKHKTT: Tổ 5, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Cụ Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1942 và cụ Đinh Thị H, sinh năm 1944 (đều đã chết). Nơi cư trú trước khi mất: Tổ 10, phường G, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

3. Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1967 (con rể cụ L, cụ H). Nơi cư trú: Số nhà 168, ngõ 168, đường ĐG, tổ 10, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt lần hai tại phiên tòa

**** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Long và bà Hon:***

1. Ông Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1974 (con trai cụ L, cụ H). Nơi cư trú: Tổ 6, phường G, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

2. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1971 (con gái cụ L, cụ H). Nơi cư trú: Số nhà 168, ngõ 168, đường Đội Giá, tổ 10, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt lần hai tại phiên tòa

3. Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm 1972 (con gái cụ L, cụ H). Nơi cư trú: Tổ 6, phường G, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt lần hai tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Bùi Đức Quảng trình bày:

Ngày 14/05/2015, Ngân hàng TMCP ĐT– Chi nhánh Thái Nguyên và bà Phạm Thị Hải Y ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/1368059/HĐTD với nội dung như sau: Số tiền vay tối đa là: 3.500.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 14/05/2015; Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể/Cam kết bảo lãnh.

Đến ngày 04/03/2016, ngân hàng đã giải ngân cho bà Y theo bảng kê rút vốn/ hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: Số tiền giải ngân là 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 03 tháng, kể từ ngày 04/03/2016 đến ngày 04/06/2016; Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền hàng; Hình thức rút vốn vay: Chuyển khoản; Lãi suất áp dụng đối với số tiền vay của bên vay tại thời điểm vay vốn được quy định tại Hợp đồng tín dụng trên như sau: Lãi suất cho vay trong hạn 9,7%/năm; Lãi suất nợ quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn (kể cả trường hợp đã được điều chỉnh) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lịch trả nợ lãi: định kỳ hàng tháng vào ngày 25, bắt đầu từ ngày 25/03/2016; lịch trả nợ gốc ngày 04/6/2026. Số khế ước vay cụ thể: 39082000817026 (hiện là 403900817026)

Ngày 05/06/2015, Ngân hàng TMCP ĐT– Chi nhánh Thái Nguyên chấp thuận cấp vốn vay cho Bà Phạm Thị Hải Y theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2015/1368059/HĐTD ký kết ngày 05/06/2015 với nội dung như sau: Hạn mức thấu chi: 2.000.000.000 đồng nhưng tại mọi thời điểm, tổng dư nợ ngắn hạn theo hạn mức tín dụng vốn lưu động và hạn mức thấu chi không vượt quá 3.500.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 14/05/2016. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất thấu chi: 8.5%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài khoản cấp hạn mức thấu chi: 39010000043831 (là tài khoản tiền gửi thanh toán của bà Phạm Thị Hải Y tại Ngân hàng).

Tài sảm đảm bảo cho khoản vay là: Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 10, diện tích 88 m^2, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, địa chỉ tại phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên *(theo Giấy chứng nhận QSDđất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 395290 do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 01/03/2012, số vào sổ cấp GCN: CH01373/NCN mang tên Nguyễn Ngọc L).* Tài sản trên đất gồm: Nhà cấp IV, 3 tầng và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất xây

dựng theo Giấy phép xây dựng số 227/GPXD do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 23/04/2001. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐ ngày 19/03/2014 giữa cụ Nguyễn Ngọc L, cụ Đinh Thị H và Ngân hàng TMCP ĐT– Chi nhánh Thái Nguyên, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/03/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bà Y đã được giải ngân số tiền là 1.944.308.971 đồng, trong đó giải ngân theo hợp đồng tín dụng là 1.000.000.000 đồng, và giải ngân cho hợp đồng cấp hạn mức thấu chi là 944.308.971 đồng. Bà Y đã trả cho ngân hàng được số tiền là 1.017.208.333 đồng, trong đó nợ gốc là 999.900.000 đồng và tiền lãi là 17.308.333 đồng. Do bà Y không thực hiện việc trả nợ theo cam kết nên ngày 07/06/2016, toàn bộ khoản vay của bà Y đã bị chuyển nợ quá hạn và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ vay của tài khoản thấu chi trên sang tài khoản 39082001093582 (hiện là 403901093582) để tiếp tục theo dõi. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu trả nợ vay, tiến hành làm việc, tuy nhiên bà Y vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Đến hết ngày 24/02/2025, bà Y còn nợ BIDV tổng số tiền cho hai hợp đồng là: 1.726.719.261 đồng, trong đó: Nợ gốc 944.408.851 đồng; Nợ lãi trong hạn 639.854.272 đồng; Nợ Lãi quá hạn 142.456.138 đồng. Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 09/01/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Y trả số tiền nợ gốc là 944.408.851 đồng cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện BIDV giữ nguyên yêu cầu như đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị hội đồng xét xử: Buộc bà Phạm Thị Hải Y phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐTsố tiền nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 24/02/2025 là 944.408.851 đồng. Trường hợp bà Y không trả được nợ hoặc không trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là thửa đất 221, tờ bản đồ số 10, diện tích: 88 m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, địa chỉ tại Phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên *(theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 395290 do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 01/03/2012, mang tên Nguyễn Ngọc L),* cùng tài sản trên đất để thu hồi khoản vay.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (cụ L, cụ H) ông Nguyễn Ngọc L1 tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa trình bày:

Cụ Nguyễn Ngọc L và cụ Đinh Thị H là bố mẹ đẻ của ông L1. Cụ L mất năm 2020, cụ H mất năm 2023, khi mất hai cụ không để lại di chúc, bố mẹ đẻ của cụ L, cụ H đều đã mất trước hai cụ. Bà Phạm Thị Hải Y là vợ cũ của ông L1, đã ly hôn từ năm 2014. Cụ L, cụ H có 3 người con là bà Nguyễn Thu H, bà Nguyễn Thu H1 và ông Nguyễn Ngọc L1. Khi còn sống, bố mẹ ông đã thế chấp tài sản là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 10, diện tích 88m^2 tại phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, theo cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 395290 do UBND TP Thái Nguyên ngày 01/03/2012 mang tên Nguyễn Ngọc L cùng toàn bộ tài sản trên đất để bảo đảm cho khoản vay của bà Y tại BIDV chi nhánh Thái Nguyên. Hiện nay vợ chồng chị

gái ông là bà Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Duy C đang sinh sống tại nhà và đất này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của BIDV, ông L1 có ý kiến như sau: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo ông đây là khoản nợ riêng của bà Y, do vợ chồng ông đã ly hôn nên bà Y phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay bà Y không có mặt ở địa phương, bản thân ông và gia đình cũng không liên lạc được, trong khi đó tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của bà Y là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 10, diện tích 88m^2 là di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại cho anh chị em ông. Vì vậy, trong trường hợp bà Y không tự nguyện trả các khoản nợ trên mà ngân hàng phải phát mại tài sản thế chấp thì ông đề nghị được thay bà Y thanh toán toàn bộ nợ gốc là 944.408.851 đồng, ông đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt các khoản phí khác đối với khoản vay của bà Y. Nếu đến hết tháng 5/2025 mà ông không trả thay bà Y được số tiền nợ gốc trên thì ông và các anh chị em trong gia đình đồng ý để Ngân hàng đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp. Ý kiến của ông cũng là đại diện cho ý kiến của 2 chị gái bà Hằng, bà Huyền và anh rể ông Cường.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự, xác minh thu thập chứng cứ và hòa giải nhưng không thành do bà Y vắng mặt tại nơi cư trú mặc dù đã được áp dụng các thủ tục niêm yết tại địa phương và tống đạt trên phương tiện thông tin đại chúng. Vì vậy, vụ án phải đưa ra xét xử ngày hôm nay.

- Tại phiên tòa, trong phần tranh tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị Hải Y phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐTsố tiền nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 24/02/2025 là 944.408.851 đồng. Trường hợp bà Y không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Ông L1 không tranh luận với đại diện của nguyên đơn, đề nghị được trả toàn bộ nợ gốc thay bà Y nếu ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ tranh chấp theo quy định tại Điều 30, 35 BLTTDS; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng các đương sự trong vụ án quy định tại Điều 68 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự về cơ bản đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại BLTTDS, riêng bị đơn bà Y không chấp hành quy định của BLTTDS.

2. Về nội dung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của BIDV về yêu cầu tính lãi suất, phạt vi phạm của bà Y. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của BIDV, buộc bà Y phải trả toàn bộ khoản nợ gốc là 944.408.851 đồng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bà Y không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm. Ghi nhận Ngân hàng tự nguyện chịu chi phí thẩm định và buộc phải nộp lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng*****:** Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP ĐTvới bà Phạm Thị Hải Y. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường HVT, thành phố TN nên xác định là vụ án dân sự. Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Bị đơn bà Y, người kế thừa quyền nghĩa vụ của cụ L, cụ H (bà Hằng, bà Huyền) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Cường) vắng mặt lần hai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt những người trên.

[2] ***Về nội dung*****:** Ngân hàng TMCP ĐTkhởi kiện đề nghị bà Phạm Thị Hải Y hoàn trả toàn bộ số tiền nợ gốc tính đến ngày 24/02/2025 là 944.408.851 đồng, rút yêu cầu buộc bà Y trả phần nợ lãi trong hạn, quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1368059/HĐTD ngày 14/5/2015 và hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2015/1368059/HĐTC ngày 05/6/2015. Ngoài ra nguyên đơn còn đề nghị việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả được nợ.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Y trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Y và Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triểnViệt Nam thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1368059/HĐTD ngày 14/5/2015 và hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2015/1368059/HĐTC ngày 05/6/2015 là hợp pháp. Hình thức và các thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn đều đảm bảo theo quy định của BLDS năm 2015, Luật tổ chức tín dụng. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, bà Y đã được giải ngân số tiền là 1.944.308.971 đồng, trong đó giải ngân cho hợp đồng tín dụng là 1.000.000.000 đồng vào ngày 04/3/2016 theo hình thức chuyển khoản và giải ngân cho hợp đồng thấu chi là 944.308.971 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y đã trả được cho BIDV tổng số tiền là 1.017.208.333 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 999.900.000 đồng và tiền lãi là 17.308.333 đồng. Do bà Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 07/6/2016. Tính đến ngày 24/02/2025, bà Y còn nợ BIDV số tiền là 1.726.719.216 đồng, trong đó: nợ gốc 944.408.851 đồng, lãi trong hạn 639.854.272 đồng, lãi quá hạn 142.456.138 đồng. Tại Đơn xin rút một

phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 09/01/2025 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng yêu cầu bà Y trả khoản nợ gốc 944.408.851 đồng, rút yêu cầu trả các khoản lãi còn nợ. Bị đơn bà Y vắng mặt tại địa phương đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đồng thời thông báo trên các phương tiện đại chúng nhưng đều vắng mặt tại các buổi triệu tập. người thừa kế quyền nghĩa vụ của cụ L, cụ H (ông L1) đồng ý với nội dung khởi kiện của BIDV về buộc bà Y phải trả khoản nợ gốc đã vay. Vì vậy, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bà Y phải trả số tiền gốc còn nợ tính đến ngày 24/02/2025 là 944.408.851 đồng

2.2. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1368059/HĐTD ngày 14/5/2015 và hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2015/1368059/HĐTC ngày 05/6/2015, cụ Nguyễn Ngọc L và cụ Đinh Thị H, trước đây là bố mẹ chồng của bà Y đã đồng ý thế chấp tài sản là QSD đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 221, tờ bản đồ số 10, diện tích 88m^2 tại tổ 10, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên *(theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 395290 do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 01/03/2012, mang tên Nguyễn Ngọc L)*. Tại biên bản thẩm định ngày 07/01/2025 thể hiện trên đất có 01 nhà cấp 4 loại 02 tầng, mái đổ bê tông, sân thượng lợp tôn, diện tích 84,5m^2; tầng 3 có tum và phòng thờ lợp tôn, diện tích 16,8m^2, phần sân lát gạch lợp mái tôn diện tích 16,3m^2. Hiện bà Hằng và ông Cường đang ở trên nhà và đất này.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thế chấp được thực hiện tại Văn phòng công chứng phía Nam thành phố đảm bảo theo quy định của Luật công chứng, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP hướng dẫn về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trong trường hợp bà Y không trả được nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tàn sản thế chấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 299, Điều 303 BLDS 2015.

Đối với đề nghị của ông L1 tại phiên hòa giải ngày 24/02/2025 và tại phiên tòa với nội dung nếu bà Y không tự nguyện trả các khoản nợ trên mà Ngân hàng phải phát mại tài sản thế chấp thì ông sẽ thay bà Y trả cho ngân hàng số nợ gốc là 944.408.851 đồng, đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ lãi của bà Y, trường hợp đến hết tháng 5/2025 mà ông L1 không thu xếp được số tiền nợ gốc trên nộp vào Ngân hàng thì đồng ý đề Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy, do ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm khi bà Y vi phạm nghĩa vụ nên ông L1 có quyền thỏa thuận riêng với Ngân hàng trong giai đoạn xử lý tài sản bảo đảm khi thi hành án.

Đối với bà Nguyễn Thu H1, bà Nguyễn Thu H, và ông Nguyễn Duy C, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để lấy lời khai tham gia hòa giải, xét xử nhưng bà Huyền, bà Hằng, ông Cường chỉ ký nhận giấy triệu tập, hòa giải, xét xử mà không đến Tòa án làm việc hoặc cung cấp bản tự khai, ý kiến về vụ án. Ông L1 khai, do ông đã đại diện cho ý kiến của cả nhà nên 2 chị gái và anh rể ông mới không đến Tòa án làm việc. Hiện nay tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa đất số 221, tờ bản đồ số 10 đang do bà Hằng và ông Cường quản lý, sử dụng. Do bà Hằng và ông Cường không có ý kiến về phần công sức đóng góp đối với tài sản là nhà và đất đang thế chấp trên nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, khi ngân hàng phát mại tài sản nếu có tranh chấp thì các đương sự có quyền tự thỏa thuận hoặc khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] *Về chi phí tố tụng khác và chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng:* Ngân hàng BIDV tự nguyện nộp tiền chi phí thẩm định tài sản là 14.500.000 đồng và phải chịu chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 8.400.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng 30.000.000 đồng, hoàn trả cho BIDV 7.100.000 đồng (đã thanh toán xong các khoản trên).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 299, Điều 303; 357; 463; 466; 468 BLDS 2015; các Điều 12; 91; 94; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 41 đến Điều 46, Điều 48, Điều 50 Luật công chứng năm 2014; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP ĐTvề yêu cầu trả lãi trong hạn, lãi phạt do vi phạm hợp đồng tín dụng đối với bà Phạm Thị Hải Y.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam. Buộc bà Phạm Thị Hải Y có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐTsố tiền nợ gốc tính đến ngày 24/02/2025 là 944.408.851 đồng *(Chín trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm linh tám nghìn tám trăm năm mươi mốt đồng)* theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1368059/HĐTD ngày 14/5/2015 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2015/1368059/HĐTC ngày 05/06/2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì còn phải tiếp tục chịu khoản lãi trên tổng số dư nợ gốc theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi trả xong khoản nợ.

3. Về quyền xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp bà Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP ĐTđược quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 221, tờ bản đồ số 10, diện tích 88m^2 tại tổ 10, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên *(Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 395290 do UBND TP Thái Nguyên cấp ngày 01/03/2012, mang tên ông Nguyễn Ngọc L).* Vị trí thửa đất theo các điểm A, B,C, D, A như sau:

Phía bắc giáp thửa 418, tờ bản đồ số 10, từ A-B;

Phía nam giáp thửa 220, tờ bản đồ số 10, từ C-D;

Phía tây giáp đường giao thông xóm, từ D-A;

Phía đông giáp thửa 432, tờ bản đồ số 10, từ B-C;

Tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 loại 02 tầng, mái đổ bê tông, sân thượng lợp tôn, diện tích 84,5m^2; tum và phòng thờ lợp tôn (tầng 3) có diện tích 16,8 m^2; sân lát gạch lợp mái tôn có diện tích 16,3 m^2

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng của công ty cổ phần đo đạc và bản đồ Thái An).

4. Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triểnViệt Nam nhận nộp tiền chi phí thẩm định là 14.500.000 đồng và tiền chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 8.400.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng 30.000.000 đồng. Hoàn trả cho BIDV 7.100.000 đồng (đã giải quyết xong).

5. Án phí: Bà Phạm Thị Hải Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước là 40.332.265 đồng, làm tròn là 40.332.000 đồng (*Bốn mươi triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng)*. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ĐTtiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.177.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* theo biên lai số 0003221 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

6. Quyền kháng cáo: Đại diện của nguyên đơn và ông L1 có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (bà Y), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Cường), người kế thừa quyền và nghĩa vụ cụ L, cụ H (bà Huyền, bà Hằng) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bán án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
-VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các ĐS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tứ Xuân